



■ Báo cáo chiến lược tháng 3/2023

Thị trường có thể tăng điểm trong tháng 03
nhưng rủi ro vẫn cao



Mở tài khoản
liền tay

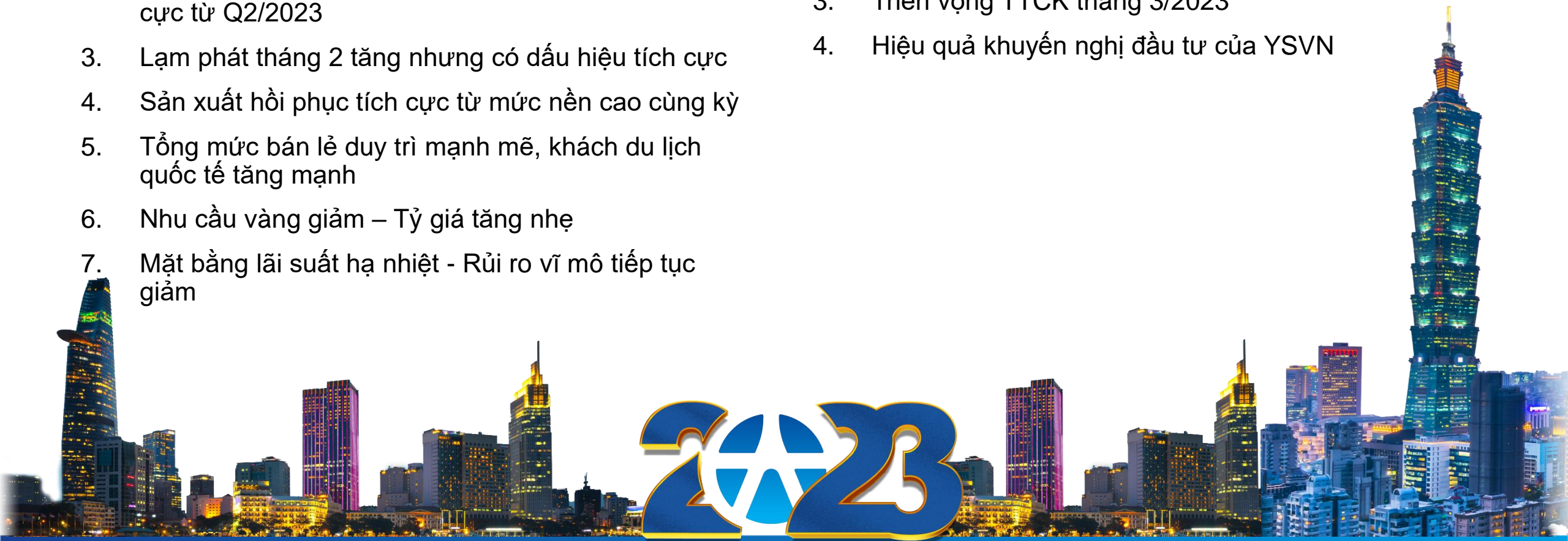


Cập nhật vĩ mô

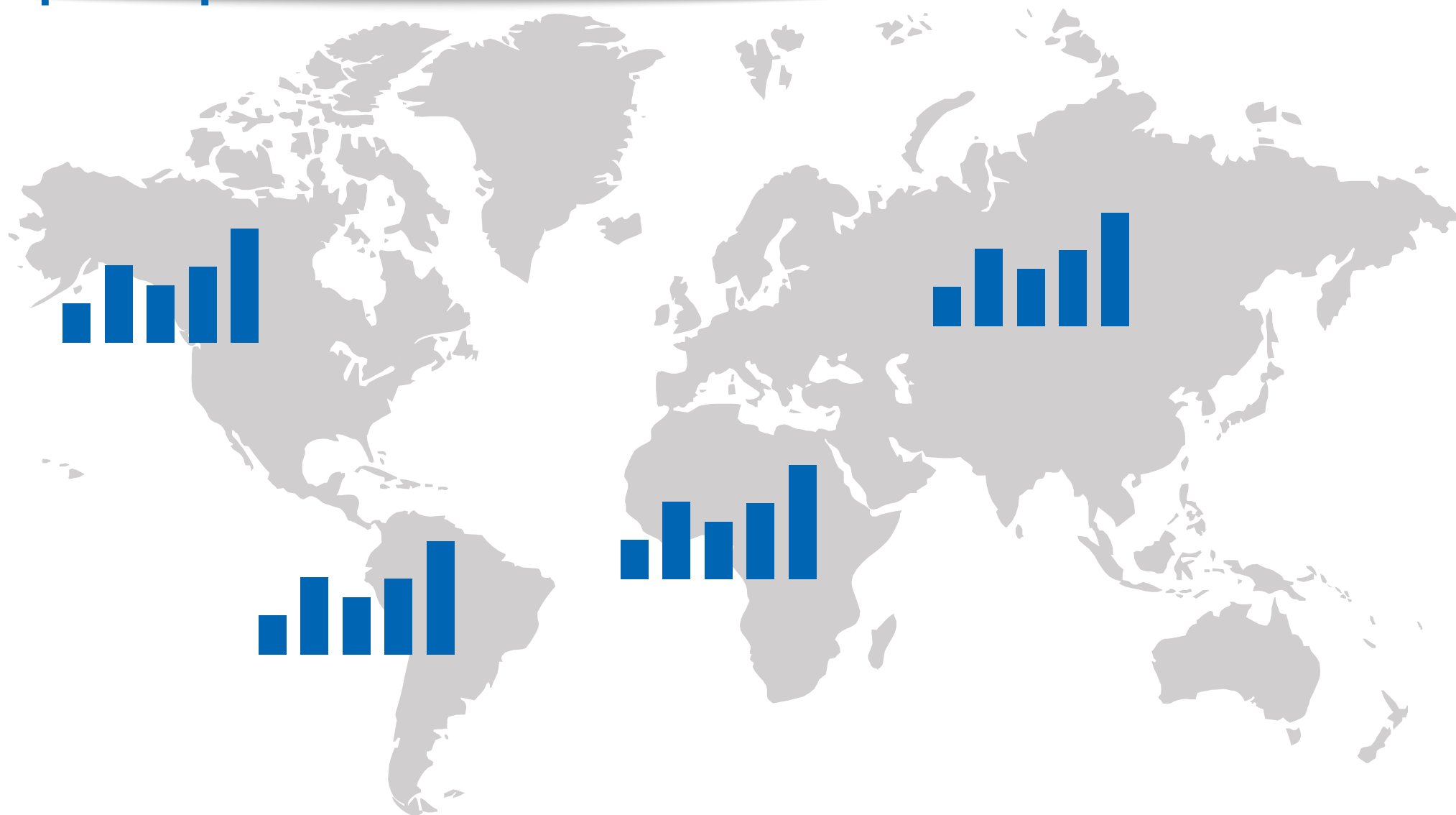
1. FDI chậm. Luật mới về Thuế tối thiểu toàn cầu liên quan FDI
2. Xuất nhập khẩu tăng nhưng vẫn yếu - kỳ vọng tích cực từ Q2/2023
3. Lạm phát tháng 2 tăng nhưng có dấu hiệu tích cực
4. Sản xuất hồi phục tích cực từ mức nền cao cùng kỳ
5. Tổng mức bán lẻ duy trì mạnh mẽ, khách du lịch quốc tế tăng mạnh
6. Nhu cầu vàng giảm – Tỷ giá tăng nhẹ
7. Mặt bằng lãi suất hạ nhiệt - Rủi ro vĩ mô tiếp tục giảm

Triển vọng thị trường

1. Diễn biến thị trường tháng 2/2023
2. Giao dịch khối ngoại tháng 2/2023
3. Triển vọng TTCK tháng 3/2023
4. Hiệu quả khuyến nghị đầu tư của YSVN



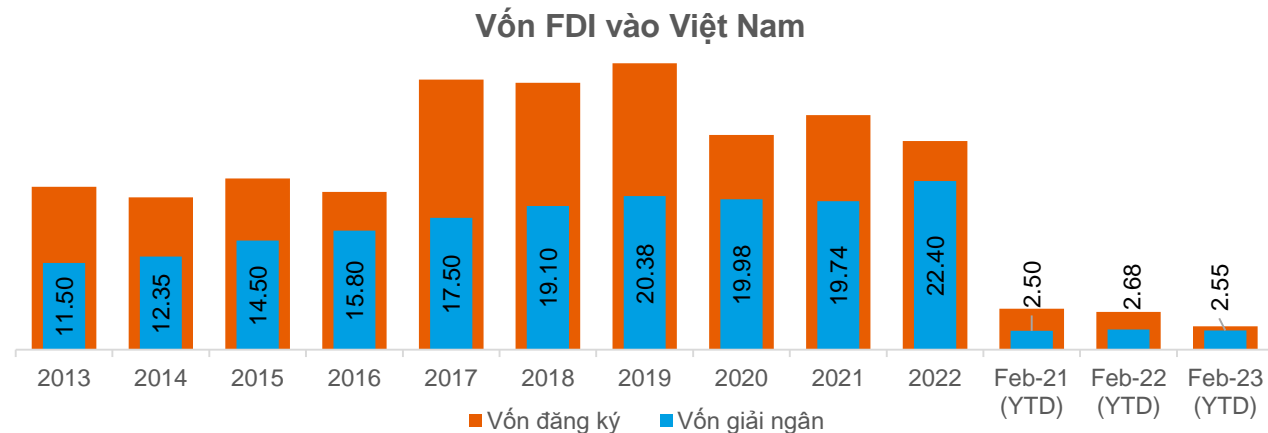
CẬP NHẬT VĨ MÔ



2023

1. FDI chậm – Luật mới về Thuế tối thiểu toàn cầu liên quan FDI

- **Tổng vốn FDI đăng ký tính từ đầu năm tới 20/02/2023 đạt 3.1 tỷ USD, giảm 38.0% YoY.** Trong đó, có 261 dự án được cấp phép mới (+42.6% YoY), với số vốn đăng ký đạt 1.76 tỷ USD (+179.2% YoY); có 133 dự án đăng ký điều chỉnh vốn (-6.3% YoY) với số vốn tăng thêm 0.54 tỷ USD (-85.1% YoY). Vốn góp mua cổ phần đạt 0.8 tỷ USD (+3.7% YoY). **Vốn giải ngân tính từ đầu năm tới 20/02/2023 đạt 2.55 tỷ USD, giảm 4.9% YoY.**
- **Tổng vốn FDI tiếp tục chậm trong tháng 2/2023, cả tổng vốn đăng ký và vốn giải ngân. Số dự án mới tiếp tục duy trì xu hướng tăng nhưng số vốn đăng ký và số vốn điều chỉnh trung bình trên mỗi dự án vẫn ở mức nhỏ, theo đó khiến con số tổng FDI tiếp tục chậm.**
- **Chúng tôi cũng lưu ý thêm về tình trạng trên:** Tháng 12/2022, EU và Hàn Quốc đã thông qua kế hoạch áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu (thuế thu nhập doanh nghiệp tối thiểu 15%), có thể chính thức có hiệu lực từ đầu năm 2024. Theo đó, các công ty đa quốc gia có doanh thu trên 750 triệu EUR và tỷ suất lợi nhuận trên 10%, sẽ bị áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp tối thiểu 15% cho công ty con ở nước ngoài. Ví dụ nếu công ty đa quốc gia A thỏa mãn 2 yếu tố trên, có công ty con là B (công ty FDI) ở Việt Nam và B được hưởng thuế thu nhập ưu đãi ở mức 10% thì A vẫn sẽ bị thu thêm 5% ở chính quốc gia mà A đặt trụ sở. Chúng tôi lưu ý luật mới này sẽ có những tác động tích cực và tiêu cực tới các doanh nghiệp FDI đang ưu đãi về thuế.
- Theo đó, chúng tôi vẫn cho rằng các doanh nghiệp nước ngoài lớn với các dự án lớn vẫn đang thận trọng quan sát trước các rủi ro vĩ mô và nghiên cứu lại cũng như chờ các quy định cụ thể hơn về Luật Thuế tối thiểu toàn cầu để đánh giá lại hiệu quả dự án đầu tư. Theo đó, dòng vốn FDI vẫn nhiều khả năng chưa thể tăng mạnh trở lại trong 2023. **Tuy nhiên, chúng tôi vẫn giữ quan điểm tích cực cho dòng vốn FDI trong trung hạn và dài hạn khi các rủi ro vĩ mô dần đi qua.**

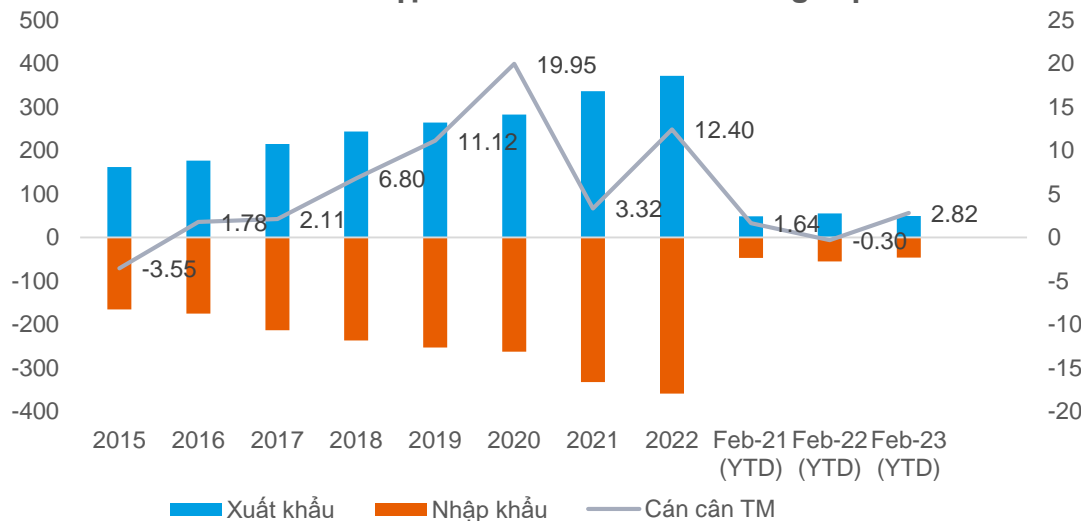


Nguồn: GSO, Yuanta Việt Nam

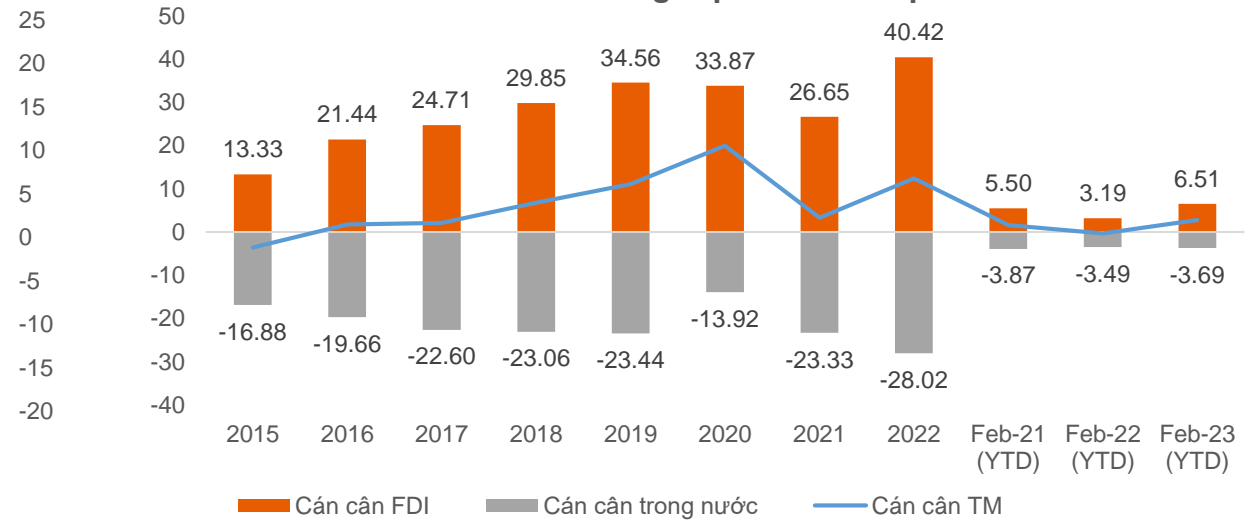
2. Xuất nhập khẩu tăng nhưng vẫn yếu

- **Kim ngạch XNK T2/2023 đạt 49.46 tỷ USD, tăng 1.8% YoY, tăng 6.1% MoM.** Trong đó, xuất khẩu đạt 25.88 tỷ USD, tăng 11.0% YoY, tăng 9.8% MoM; nhập khẩu đạt 23.58 tỷ USD, giảm 6.7% YoY, tăng 2.3% MoM. Tình hình xuất nhập khẩu tháng 2 tăng nhẹ so với cùng kỳ và tháng trước, một phần là do ảnh hưởng của thời điểm Tết Nguyên Đán (năm 2021 nghỉ Tết vào tháng 2 trong khi 2022 nghỉ Tết vào tháng 1). Cán cân thương mại tháng 2 xuất siêu 2.3 tỷ USD, tăng 342.2% YoY. Trong đó, khối FDI xuất siêu 3.92 tỷ USD; khối DN trong nước nhập siêu 1.62 tỷ USD.
- **Lũy kế 2T2023**, kim ngạch XNK đạt 96.06 tỷ USD, giảm 13.3% YoY, trong đó XK 49.4 tỷ USD (-10.4% YoY), NK 46.6 tỷ USD (-16% YoY). Xuất siêu 2.8 tỷ USD.
- Tình hình xuất nhập khẩu tháng 2/2023 tăng trưởng nhưng theo chúng tôi là do thời điểm Tết Nguyên Đán, mức lũy kế 2T2023 tiếp tục suy giảm nhưng điểm tích cực là mức giảm không nhiều. **Chúng tôi cho rằng có thể kỳ vọng kỳ vọng xuất nhập khẩu sẽ tích cực hơn từ Q2/2023** nhờ: 1) lạm phát tại các nước đang giảm từ đỉnh và kỳ vọng Fed sẽ dừng nâng lãi suất từ cuối Q2/2023 giúp nhu cầu hồi phục; 2) kỳ vọng Trung Quốc mở cửa rõ nét từ giữa 2023 (các ngành kỳ vọng hưởng lợi: dệt may, sắt thép, hóa chất, cao su, nông sản). **Một số mặt hàng tăng trưởng giá trị xuất khẩu trong 2T2023 như:** Sắn và các sản phẩm (+33% YoY), Rau quả (+18% YoY), giấy và các sản phẩm (+17% YoY), dây điện cáp điện (+14% YoY), Dầu thô (+12% YoY), Hóa chất (+7% YoY).

Xuất - Nhập khẩu và cán cân thương mại



Cán cân thương mại theo khu vực

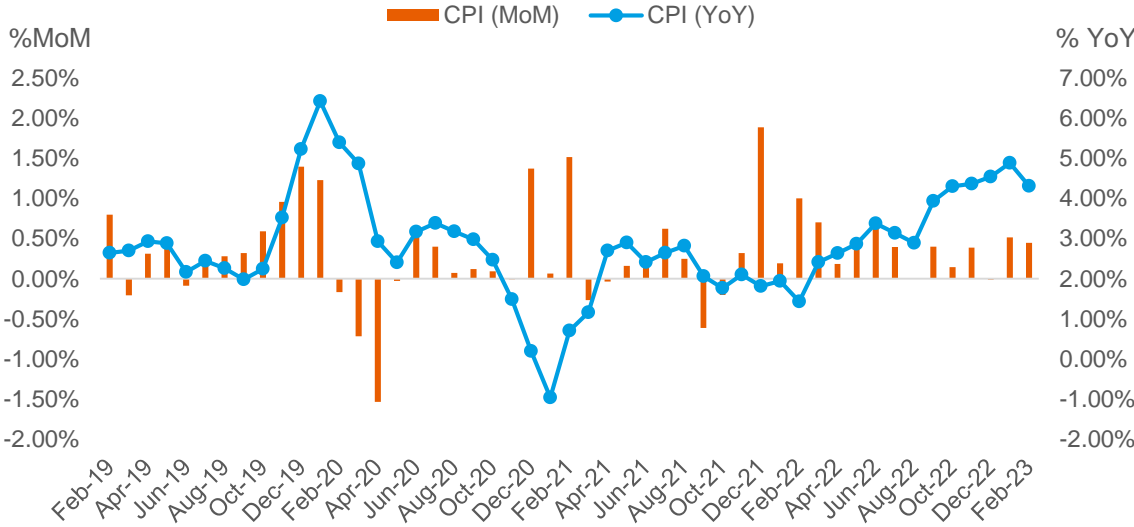


Nguồn: GSO, Yuanta Việt Nam

3. Lạm phát tháng 2 tăng nhưng có dấu hiệu tích cực

- CPI tháng 2/2023 tăng 0.45% MoM, tăng 4.3% YoY**, chỉ có 2 nhóm mặt hàng tăng giá mạnh trong tháng 2 là nhóm Giao thông (+2.11% MoM), Nhà ở và VLXD (+1.81% MoM). Các nhóm hàng khác nhìn chung là giảm giá với mức độ khá đồng đều như: Giáo dục (-0.57% MoM), Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-0.17% MoM), Đồ uống và thuốc lá (-0.12% MoM), Bưu chính viễn thông (-0.1% MoM).
- Trong tháng 2/2023, CPI nhìn chung tăng là do tăng giá xăng dầu và các loại VLXD như sắt thép, xi măng. Ngoài ra, giá cả có dấu hiệu giảm đồng đều ở nhiều nhóm hàng, đây là dấu hiệu tích cực, chúng tôi cho rằng là do giá cả đã giảm sau hiệu ứng Tết Nguyên đán. Chúng tôi lưu ý giá các VLXD tăng một phần là do nhu cầu tăng từ Trung Quốc ảnh hưởng lên giá trên thị trường thế giới. Như đã đề cập từ các báo cáo trước, chúng tôi cho rằng CPI các tháng tới sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng mạnh bởi câu chuyện mở cửa thị trường Trung Quốc. Một số mặt hàng có thể sẽ còn tăng giá khi nhu cầu tăng lên từ Trung Quốc như: sắt thép, hóa chất, cao su, nông sản. Theo đó, chúng tôi vẫn cho rằng **áp lực lạm phát có thể hạ nhiệt trong 2023 nhưng cũng lưu ý rủi ro vẫn cao do nguồn cung vẫn chưa hồi phục hoàn toàn và câu chuyện Trung Quốc mở cửa**. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn cho rằng số liệu CPI tháng 2 là vẫn có sự tích cực khi chứng kiến sự giảm giá đồng đều ở nhiều nhóm hàng, chúng tôi đánh giá cao kịch bản lạm phát cả năm 2023 trong mục tiêu dưới 4.5%.

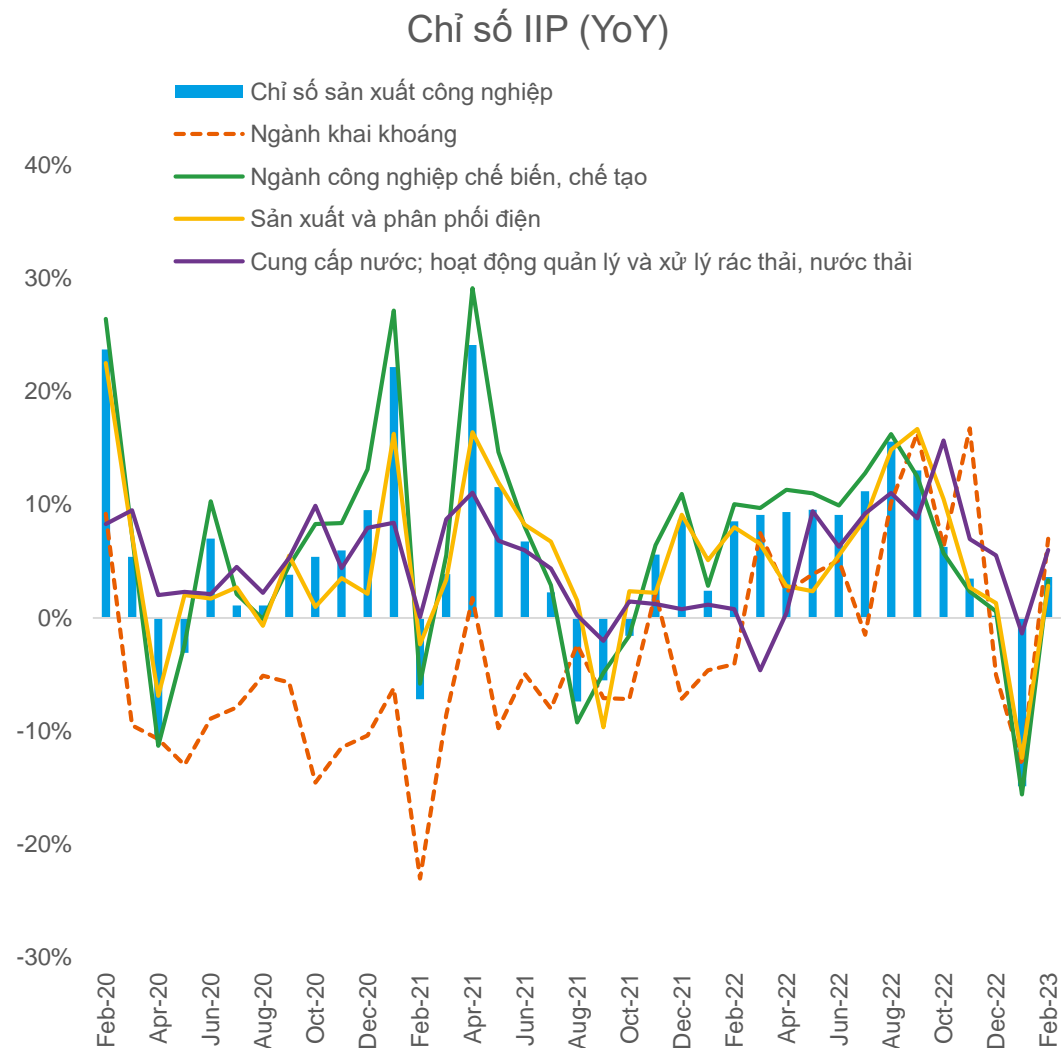
Chi tiêu	YoY	MoM	BQ
CPI chung	4.31%	0.45%	4.60%
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	4.29%	-0.17%	5.19%
Đồ uống và thuốc lá	3.85%	-0.12%	4.10%
May mặc, mũ nón và giày dép	2.65%	-0.08%	2.72%
Nhà ở và vật liệu xây dựng	7.88%	1.81%	7.41%
Thiết bị và đồ dùng gia đình	2.75%	0.09%	2.80%
Thuốc và dịch vụ y tế	0.63%	0.02%	0.64%
Giao thông	-0.18%	2.11%	-0.07%
Bưu chính viễn thông	-0.26%	-0.10%	-0.24%
Giáo dục	10.40%	-0.57%	11.00%
Văn hoá, giải trí và du lịch	4.74%	-0.02%	5.02%
Hàng hóa và dịch vụ khác	3.40%	0.12%	3.45%



Nguồn: GSO, Yuanta Việt Nam

4. Sản xuất hồi phục tích cực từ mức nền cao cùng kỳ

- Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP tháng 2/2023 tăng 5.1% MoM, tăng 3.6% YoY, 4 nhóm ngành đều tăng: Khai khoáng (+6.3% MoM, +7.0% YoY), Chế biến chế tạo (+4.8% MoM, +3.3% YoY), Điện (+6.1% MoM, +2.8% YoY), Nước và xử lý rác thải (+9.2% MoM, +6.0% YoY).
- Mặc dù có hiệu ứng thời điểm Tết Nguyên Đán năm nay khác với 2021, chúng tôi vẫn cho rằng mức tăng trưởng IIP trong tháng 2 là khá tốt do ở cùng kỳ T2/2022, IIP đã ở mức nền cao với mức tăng trưởng tới 8.5% YoY. 2 ngành tăng trưởng mạnh nhất là Khai khoáng và ngành Nước và xử lý rác thải.
- Ngành khai khoáng tăng trưởng tích cực nhờ khai thác than (+11% MoM, +15% YoY) cho sản xuất điện và các loại VLXD, kim loại (+13% MoM, +9% YoY) khi nhu cầu hồi phục từ Trung Quốc.
- Mảng Nước và xử lý rác thải được chúng tôi đánh giá tích cực trong ngắn và dài hạn. Trong đó, các hoạt động xử lý rác thải là tăng mạnh nhất (+21% MoM, +9% YoY).
- Ngành Chế biến chế tạo đã quay lại tăng trưởng sau các tháng suy giảm trước đó. Điểm tích cực là hầu hết các ngành hàng trong nhóm này đều tăng trưởng tích cực. Một số nhóm hàng tăng mạnh tiêu biểu như Đồ uống, Than cốc, Dầu mỏ, Dược liệu, Các sản phẩm từ cao su – gỗ - hóa chất – giấy. Bên cạnh đó, ngành Điện cũng tăng tích cực.
- Nhìn chung, trong tháng 2 các ngành sản xuất có sự hồi phục tăng trưởng tích cực, vượt kỳ vọng của chúng tôi. Mặc dù mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ một phần có thể do tác động bởi thời điểm nghỉ Tết Nguyên Đán năm nay là tháng 1 còn năm 2022 là tháng 2. Tuy nhiên, hiệu ứng này không quá lớn do IIP cùng kỳ T2/2022 vẫn ở mức cao. Chúng tôi cho rằng các ngành sản xuất hồi phục này có thể là để phục vụ thị trường trong nước hoặc sản xuất cho các đơn hàng xuất khẩu mới gần đây.

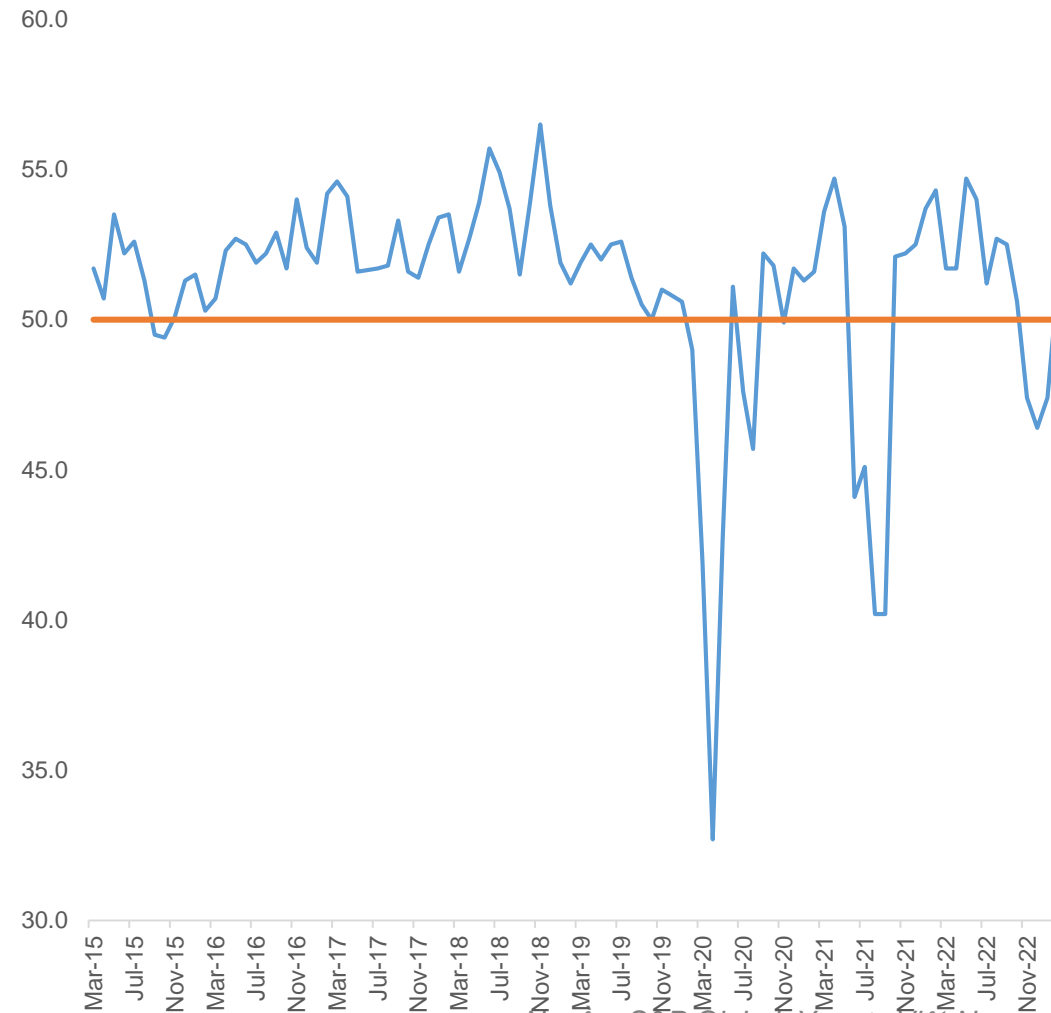


Nguồn: GSO, Yuanta Việt Nam

4. Sản xuất hồi phục với các đơn hàng và khách hàng mới

- **PMI T2/2023 của Việt Nam đạt 51.2 điểm, hồi phục từ mức 47.4 của tháng 1/2023**, cho thấy tình hình sản xuất có dấu hiệu hồi phục sau 3 tháng suy giảm liên tiếp. Sản lượng, số lượng các đơn hàng, các hoạt động mua hàng đều hồi phục, **nguyên nhân chính là nhờ sự cải thiện của nhu cầu thị trường**.
- **Khách hàng mới và đơn hàng mới tăng lần đầu tiên sau 4 tháng giảm**. Mức tăng số đơn hàng mới là mạnh nhất kể từ tháng 8/2022, trong đó, đơn hàng xuất khẩu tăng mạnh hơn và là tháng tăng thứ 2 liên tiếp. **Sản lượng sản xuất hồi phục sau 3 tháng giảm liên tiếp, chủ yếu sản lượng tăng ở nhóm hàng hóa cơ bản**. Số việc làm và hoạt động mua hàng đều tăng lần đầu sau 4 tháng.
- **Áp lực chi phí đầu vào tiếp tục tăng tháng thứ 6 liên tiếp** và tốc độ tăng trong tháng 2 là nhanh nhất kể từ tháng 6/2022 do tăng giá từ nhà cung cấp và khan hiếm nguyên vật liệu. Theo đó, để bù đắp, các nhà sản xuất đã tăng giá bán với tốc độ tăng là nhanh nhất 8 tháng. Điểm tích cực là có sự cải thiện về năng lực chuỗi cung ứng, thời gian giao hàng tiếp tục rút ngắn, tình trạng tắc nghẽn đã giảm.
- **Lĩnh vực sản xuất có dấu hiệu hồi phục lần đầu tiên sau 3 tháng suy giảm**. Điểm nhấn trong tháng 2 là số đơn hàng và khách hàng mới hồi phục lần đầu tiên sau 4 tháng giảm, trong đó, số đơn hàng xuất khẩu tiếp tục gia tăng tháng thứ 2 liên tiếp, với tốc độ nhanh hơn là điểm tích cực. Tuy nhiên, cần chú ý giá bán hàng hóa nhìn chung là tiếp tục tăng do tình trạng khan hiếm nguyên vật liệu mặc dù thời gian giao hàng đã được rút ngắn. Chỉ số niềm tin kinh doanh tiếp tục tăng lên mức cao nhất kể từ tháng 9/2022, trên mức trung bình của lịch sử chỉ số, một lý do nhiều doanh nghiệp đưa ra là nhờ niềm tin vào việc mở cửa của thị trường Trung Quốc sẽ thúc đẩy tăng trưởng trong năm nay. Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý sản lượng sản xuất của tháng 2 chỉ tăng ở mức nhẹ, theo đó, lợi nhuận của các đơn hàng mới có thể sẽ được phản ánh tích cực hơn vào KQKD Q2/2023, hơn là Q1/2023.

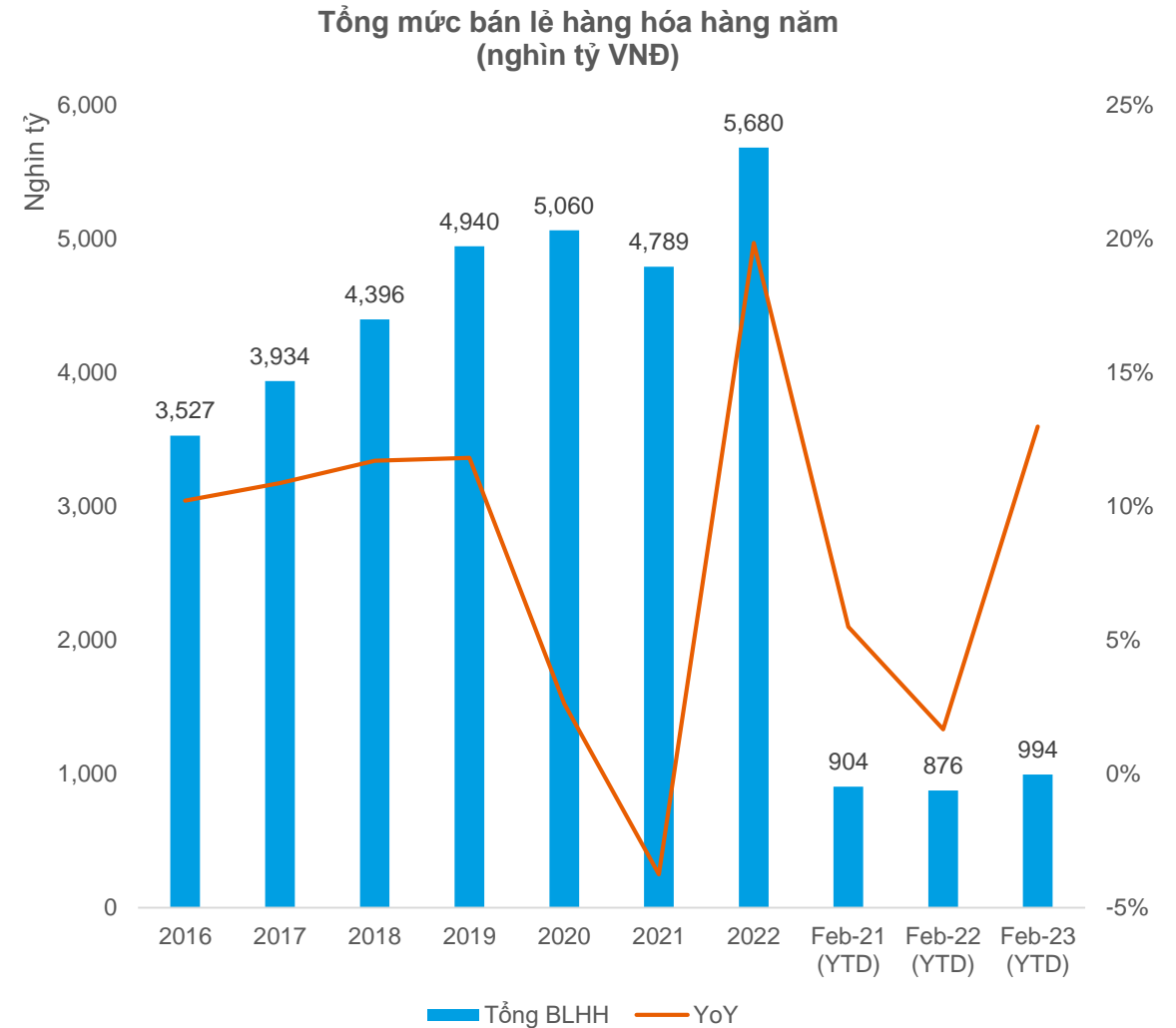
Chỉ số PMI Việt Nam



Nguồn: S&P Global, Yuanta Việt Nam

5. Tổng mức bán lẻ duy trì mạnh mẽ, khách du lịch quốc tế tăng mạnh

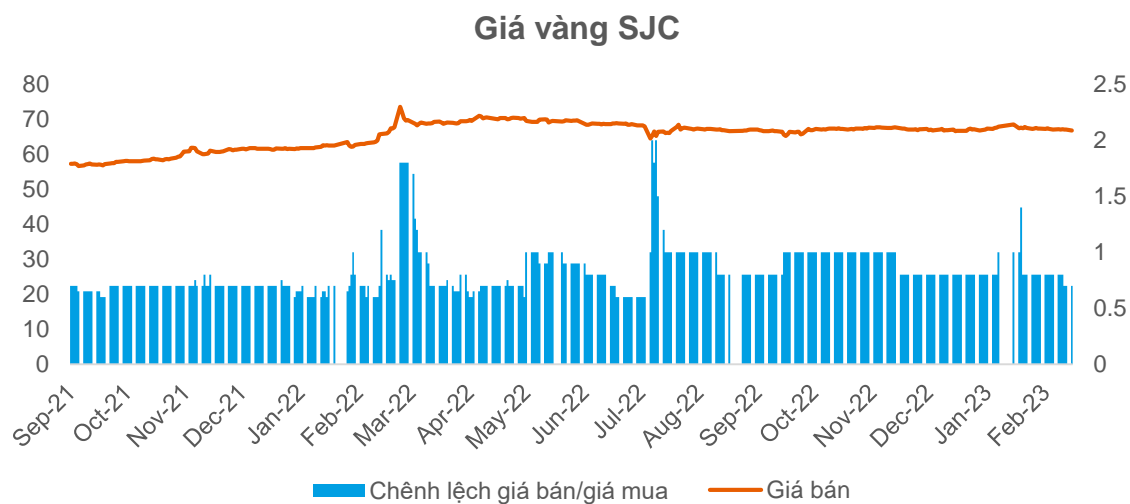
- **Tổng mức bán lẻ tháng 2/2023** ước đạt 482 nghìn tỷ, giảm 12% MoM, tăng 13% YoY. Trong đó bán lẻ hàng hóa (-13% MoM, +11% YoY), dịch vụ lưu trú – ăn uống (-4% MoM, +27% YoY), dịch vụ lữ hành (-5% MoM, +95% YoY). Tổng mức bán lẻ tháng 2 tiếp tục thể hiện đà tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ mặc dù suy giảm so với tháng 1 do tháng 1 là Tết Nguyên Đán. Tuy nhiên, mức tăng trưởng +13% YoY theo chúng tôi là vẫn duy trì mạnh mẽ mặc dù không quá tích cực.
- Lũy kế 2T2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa đạt 994 nghìn tỷ đồng, tăng 13% YoY cho thấy sức mua tiếp tục duy trì mạnh mẽ. Mức tăng trưởng 13% YoY của lũy kế 2T2023 là cao hơn lúc trước COVID. Như chúng tôi có đánh giá, người tiêu dùng đã giảm chi tiêu ở *một số nhóm hàng không thiết yếu* nhưng vẫn chi tiêu ổn định cho *các mặt hàng thiết yếu*. **Do đó, chúng tôi vẫn giữ quan điểm tích cực** về tiềm năng mạnh mẽ của thị trường bán lẻ mặc dù suy yếu trong ngắn hạn ở một số nhóm hàng không thiết yếu.
- **Riêng với nhóm du lịch**, tháng 2 tiếp tục có dấu hiệu tích cực từ khách quốc tế. Số lượt khách quốc tế trong tháng 2/2022 đạt 933 nghìn lượt (+7% MoM), tăng trưởng đến từ các nước như Trung Quốc (55 nghìn lượt, +247% MoM), Đài Loan (59 nghìn lượt, +88% MoM), Hàn Quốc (301 nghìn lượt, +16% MoM). Như chúng tôi đã đề cập, nếu như du lịch 2022 đã hồi phục tích cực nhờ nhu cầu nội địa thì trong 2023, chúng tôi kỳ vọng động lực dẫn dắt du lịch sẽ đến từ lượng khách Trung Quốc quay lại khi quốc gia này đang dần mở cửa. Chúng tôi lưu ý trước COVID, lượng khách Trung Quốc luôn chiếm trên 30% tổng lượt khách quốc tế đến Việt Nam.



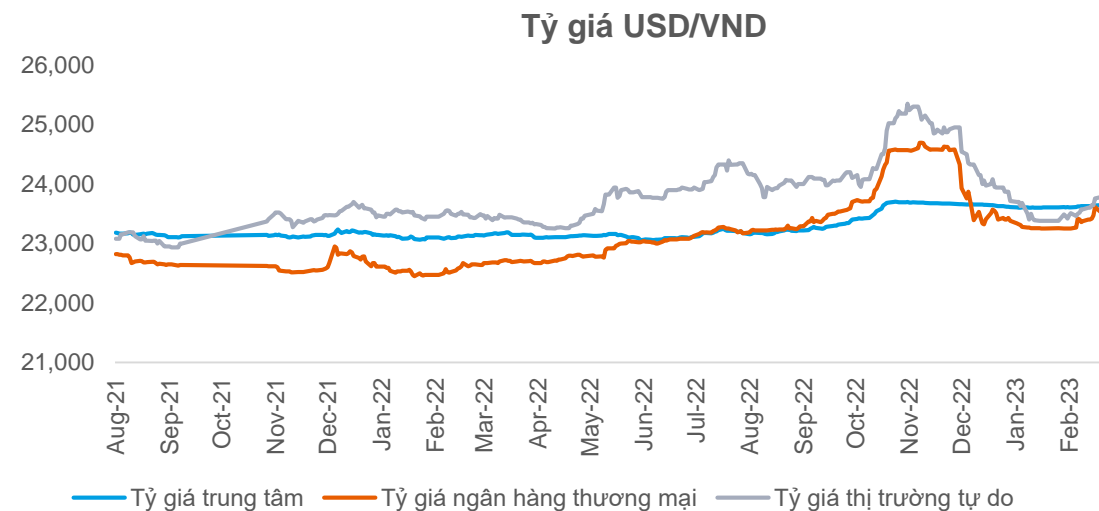
Nguồn: GSO, Yuanta Việt Nam

6. Nhu cầu vàng giảm – Tỷ giá tăng nhẹ do đồng USD mạnh lên

Giá vàng SJC trong nước giảm nhẹ trong tháng 2/2023 ở cả 2 chiều mua vào (-0.08% MoM) và bán ra (-1.11% MoM), chênh lệch mua bán giảm xuống mức 700,000 đồng/lượng cho thấy nhu cầu vàng đã giảm. Giá vàng thế giới cũng giảm mạnh 5.8% MoM sau tháng tăng mạnh trước đó, khiến khoảng cách giá vàng SJC trong nước cao hơn giá vàng thế giới tăng lên mức 28% (tại ngày 28.02.2023).



Tỷ giá quay đầu tăng nhẹ trong tháng 2/2023 sau các tháng hạ nhiệt trước đó, như tỷ giá trung tâm (+0.1% MoM), tỷ giá NHTM (+1.6% MoM), thị trường tự do (+1.5% MoM). Tỷ giá trong nước đã tăng theo giá USD trên thị trường quốc tế, chỉ số US Dollar Index quay đầu tăng 3.1% MoM, chậm dứt chuỗi giảm liên tiếp từ giữa tháng 10/2022, sau khi số liệu cho thấy lạm phát ở Mỹ vẫn cao, làm tăng áp lực lên lãi suất Fed. Một áp lực khác lên tỷ giá là dòng vốn FDI vẫn đang tiếp tục yếu. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng sẽ có nhiều yếu tố hỗ trợ tỷ giá sắp tới: 1) xuất siêu mạnh 2.3 tỷ USD trong tháng 2; 2) kỳ vọng xuất khẩu hồi phục tại các nước Mỹ, EU và câu chuyện Trung Quốc mở cửa; 3) lượt khách du lịch quốc tế đến Việt Nam đang tăng mạnh, chủ yếu từ Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, nguồn ngoại tệ này cũng sẽ hỗ trợ tích cực cho tỷ giá.



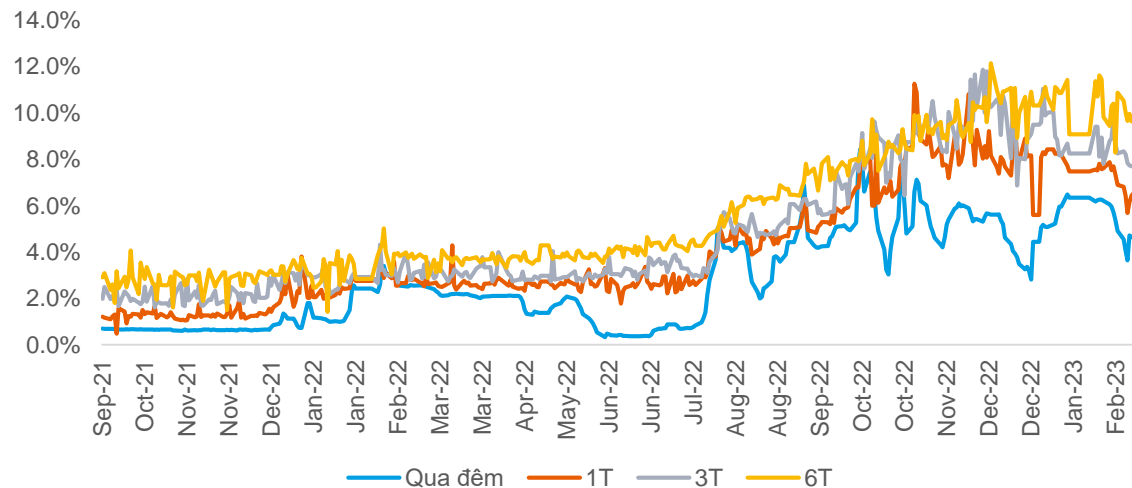
Nguồn: FiinGroup, Yuanta Việt Nam

7. Mặt bằng lãi suất hạ nhiệt - Rủi ro vĩ mô tiếp tục giảm

Lãi suất liên NH biến động theo chiều hướng giảm trong tháng 2: Lãi suất qua đêm, kỳ hạn 3T, 6T giảm lần lượt 17bps, 149bps và 97bps MoM; riêng kỳ hạn 1T tăng 99bps MoM. Chúng tôi cho rằng mặt bằng lãi suất vẫn trong xu hướng giảm nhẹ sau khi tăng trong ngắn hạn do hiệu ứng cận Tết Nguyên đán.

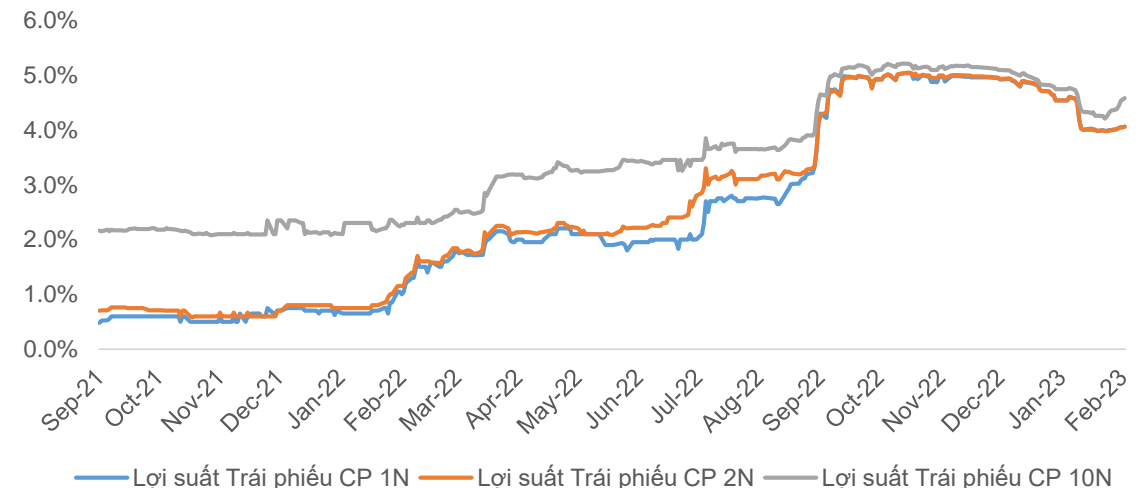
Nhìn chung, mặt bằng lãi suất đang tiếp tục trong xu hướng ổn định trở lại. Gần đây, ngày 27/2/2023, SBV đã yêu cầu từ ngày 6/3/2023, các NHTM phải điều chỉnh giảm lãi suất niêm yết của mình từ 0.2% - 0.5% cho các kỳ hạn từ 6-12 tháng. Điều này sẽ tiếp tục giúp lãi suất giảm nhẹ thêm trong tháng 3. **Tuy nhiên, chúng tôi vẫn giữ quan điểm thận trọng với lãi suất**, vẫn chưa kỳ vọng lãi suất giảm đáng kể mà chỉ kỳ vọng lãi suất không tăng trong vài tháng tới và có thể sẽ hạ nhiệt sau Q2/2023 sau khi các NHTW trên thế giới dừng nâng lãi suất.

Lãi suất BQ Liên ngân hàng



Lợi suất Trái phiếu Chính phủ tiếp tục giảm ở các kỳ hạn: kỳ hạn 1N giảm 43.4bps MoM, kỳ hạn 2N giảm 43.4bps MoM, kỳ hạn 10N giảm 6.2bps MoM. **Điều này cho thấy các rủi ro vĩ mô tiếp tục hạ nhiệt trong tháng 2/2023.** Chúng tôi cho rằng lý do là 1) Xuất siêu vẫn tích cực giúp giảm áp lực tỷ giá; 2) Lãi suất đang tiếp tục giảm dần dưới sự điều hành của NHNN. **Theo đó rủi ro vĩ mô vẫn ở mức cao nhưng đang tiếp tục hạ nhiệt.**

Lợi suất trái phiếu

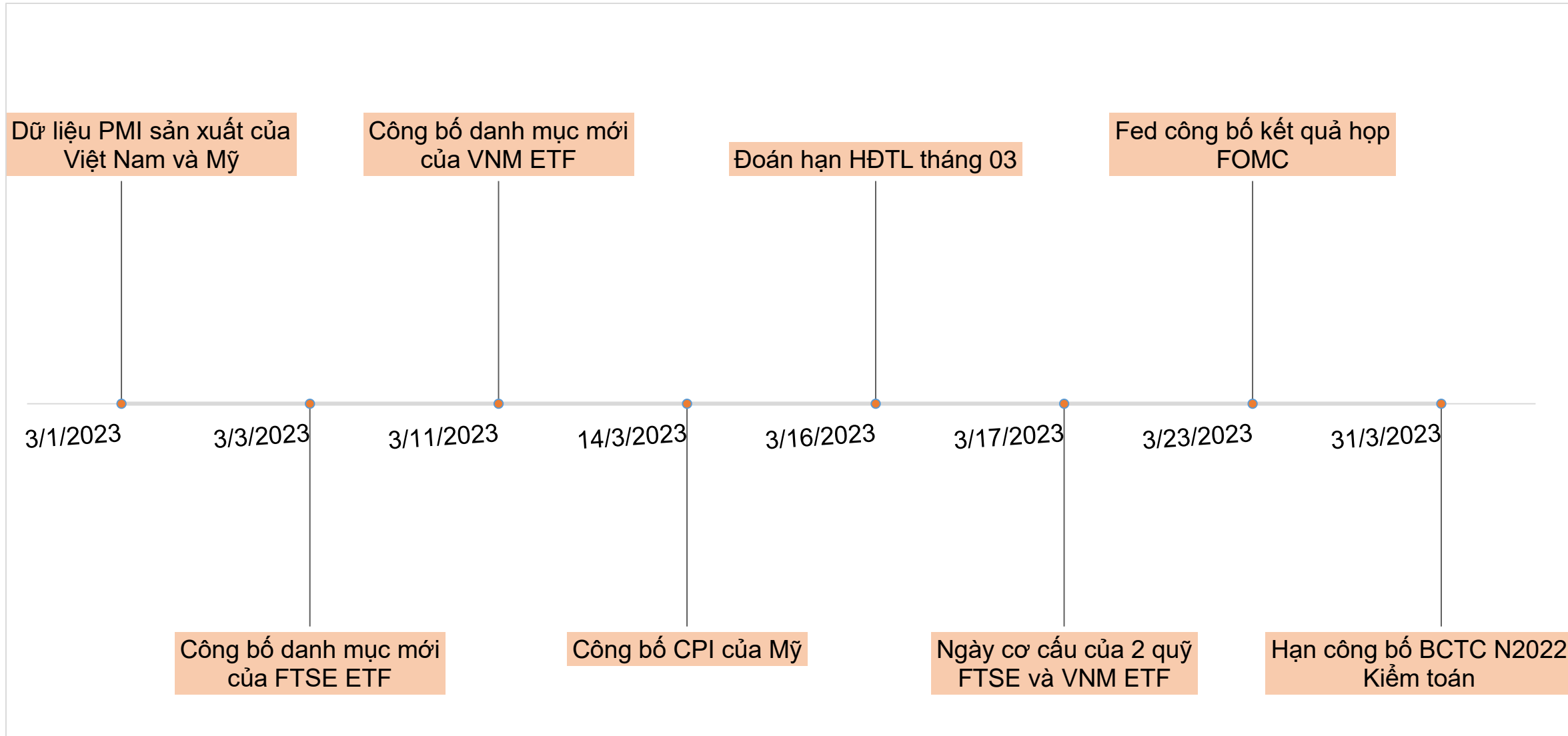


Nguồn: FiinGroup, Yuanta Việt Nam

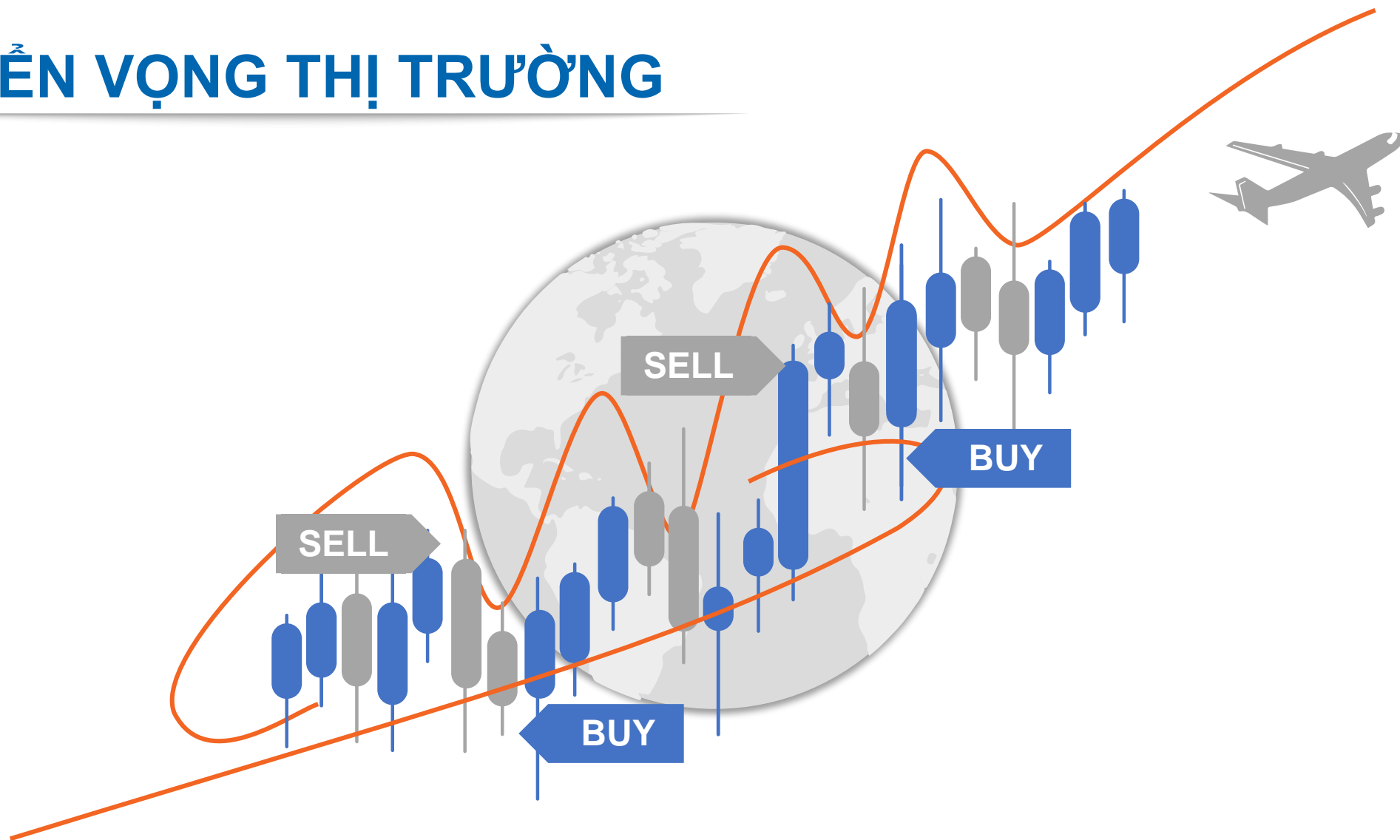
Kết luận và dự báo tình hình vĩ mô Việt Nam

- Tình hình kinh tế vĩ mô trong tháng 2 có sự cải thiện rõ rệt so với tháng 1 cũng như cùng kỳ khi hoạt động sản xuất công nghiệp tăng 5.1% so với tháng trước và tăng 3.6% so với cùng kỳ. Sản lượng sản xuất hồi phục sau 3 tháng giảm, với số đơn hàng mới và khách hàng mới đều tăng. Hoạt động xuất nhập khẩu mặc dù tăng yếu nhưng đã cải thiện hơn so với tháng trước và cùng kỳ. Ngoài ra, lĩnh vực bán lẻ duy trì tăng trưởng nhờ tín hiệu tích cực đối với nhóm ngành Du lịch khi lượng khách từ Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc lần lượt tăng 247%, 88%, 16% so với tháng trước.
- Nguồn vốn FDI trong tháng 2 tiếp tục chậm khi các doanh nghiệp nước ngoài vẫn còn thận trọng trước sự tăng trưởng kinh tế toàn cầu cũng như nghiên cứu tác động và chờ đợi động thái của Việt Nam trước Luật thuế tối thiểu toàn cầu liên quan các doanh nghiệp FDI.
- Lạm phát tháng 2 như dự báo tăng tương đối so với cùng kỳ, tuy nhiên chúng tôi cho rằng sẽ sớm tạo đỉnh và hạ nhiệt dần trong nửa cuối năm tương tự như các thị trường phát triển đã hạ nhiệt dần. Trong khi tỷ giá và giá vàng biến động nhẹ thì lãi suất liên ngân hàng có chiều hướng tích cực khi giảm ở hầu hết các kỳ hạn. NHNN đã có dự thảo đề xuất gói tín dụng 120,000 tỷ đồng cho nhà ở xã hội với lãi suất thấp hơn thị trường 1.5%-2%, kỳ vọng tạo ra lợi ích cho xã hội cũng như hỗ trợ một phần cho thị trường bất động sản đang khó khăn.
- Nhìn chung, chúng tôi cho rằng khó khăn từ sự chững lại nền kinh tế toàn cầu sẽ vẫn còn tác động tới nền kinh tế Việt Nam, tuy nhiên Chính phủ sẽ sớm có những chính sách để thúc đẩy và hỗ trợ nền kinh tế trong nước.

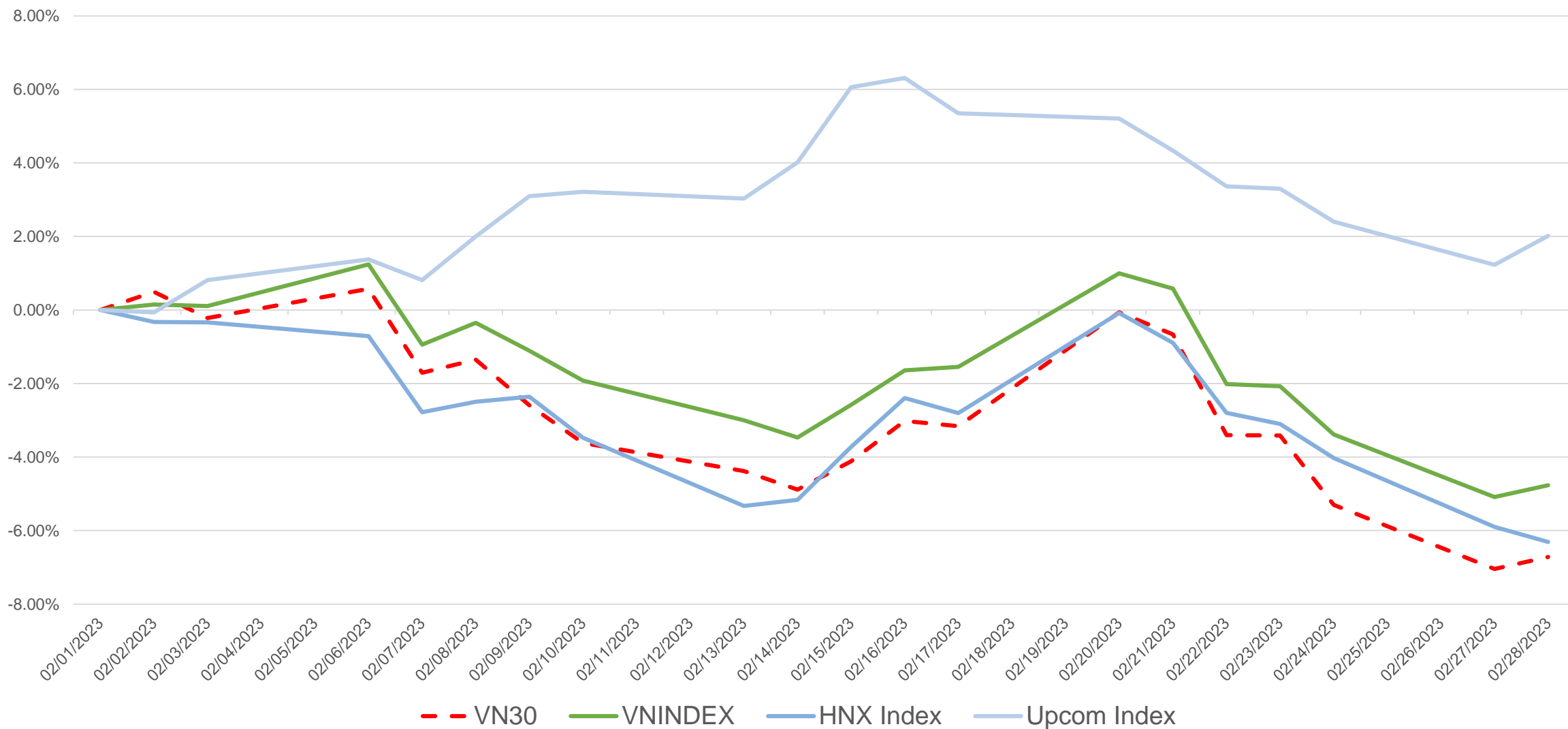
Lịch sự kiện tháng 3/2023



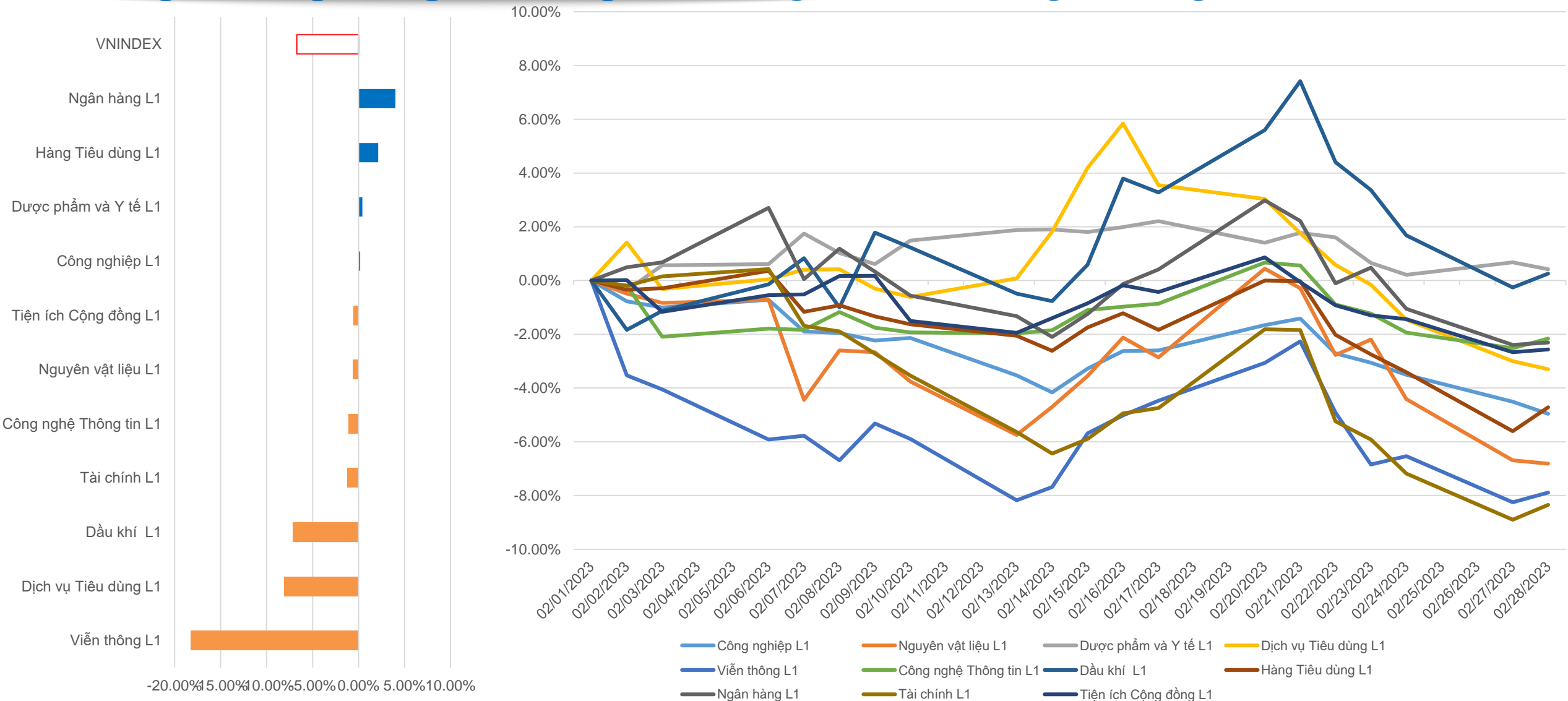
TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG



1. Phần lớn các chỉ số đều tăng trưởng âm, ngoại trừ Upcom nhờ VNZ

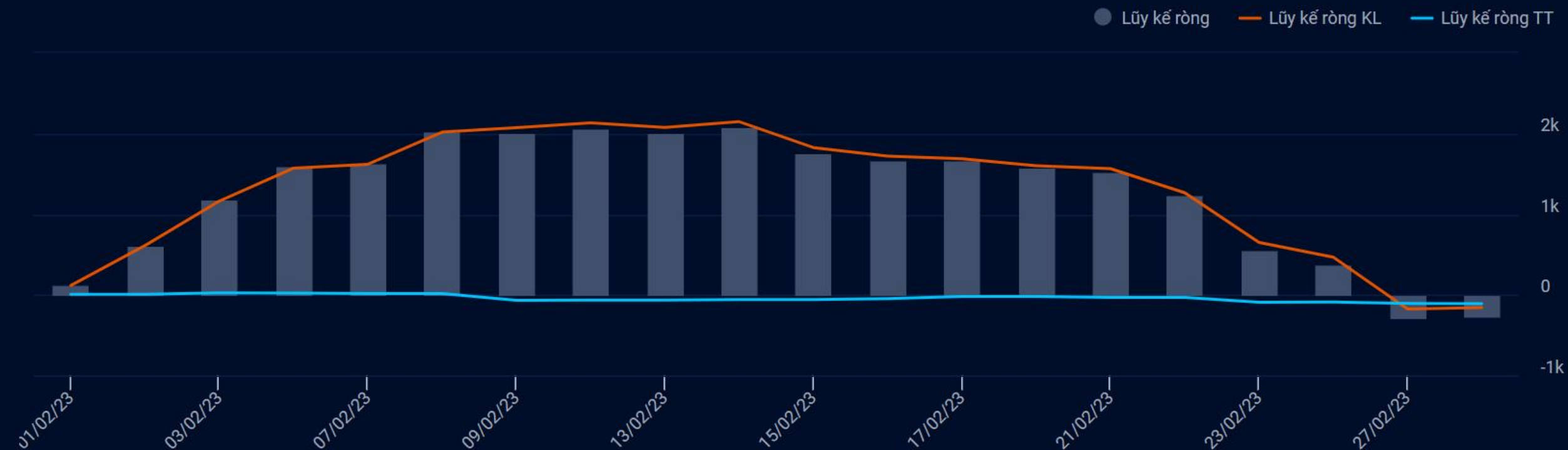


1. Ngân hàng và ngành hàng tiêu dùng dẫn đầu tăng trưởng

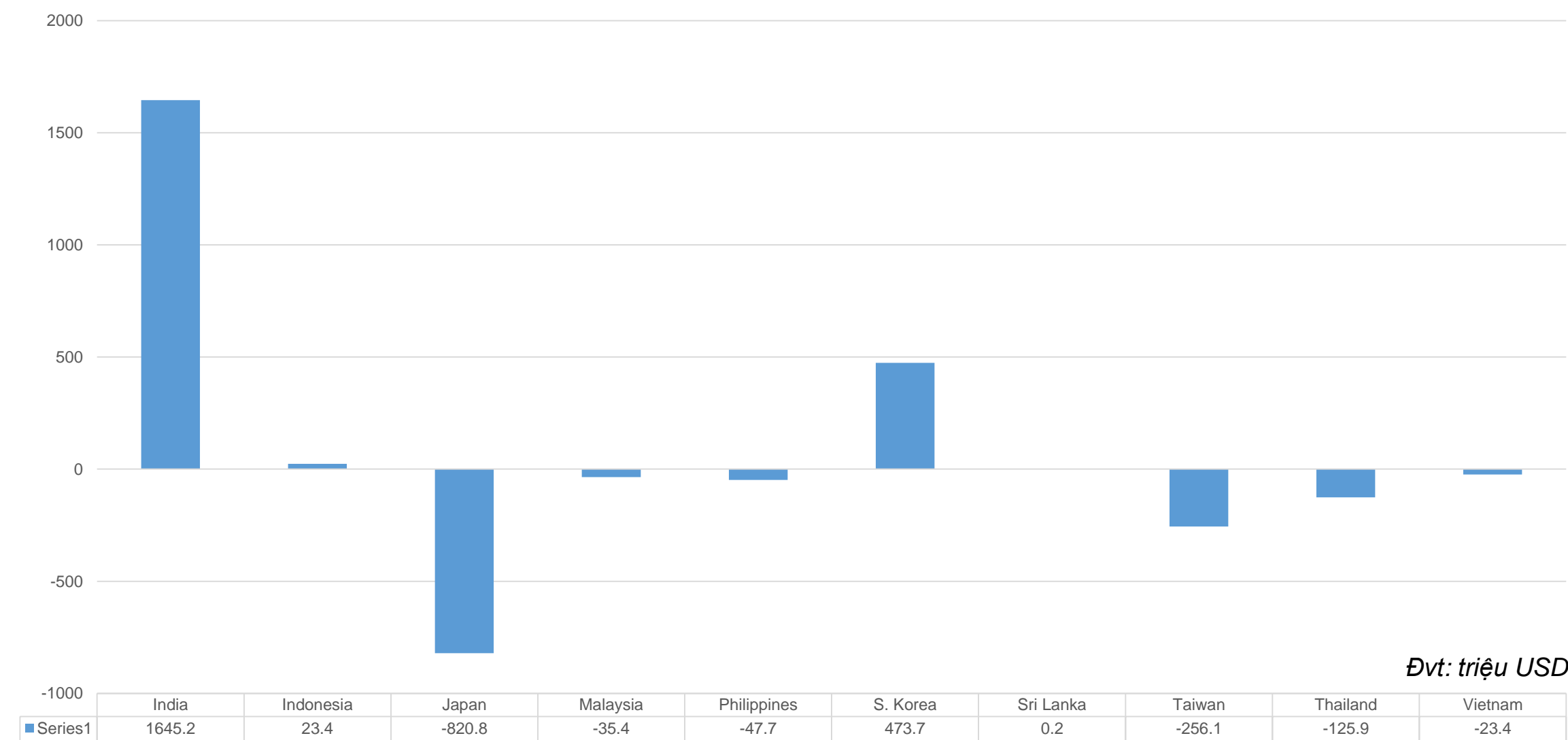


2. Khối ngoại quay sang bán ròng trong tháng 02/2023

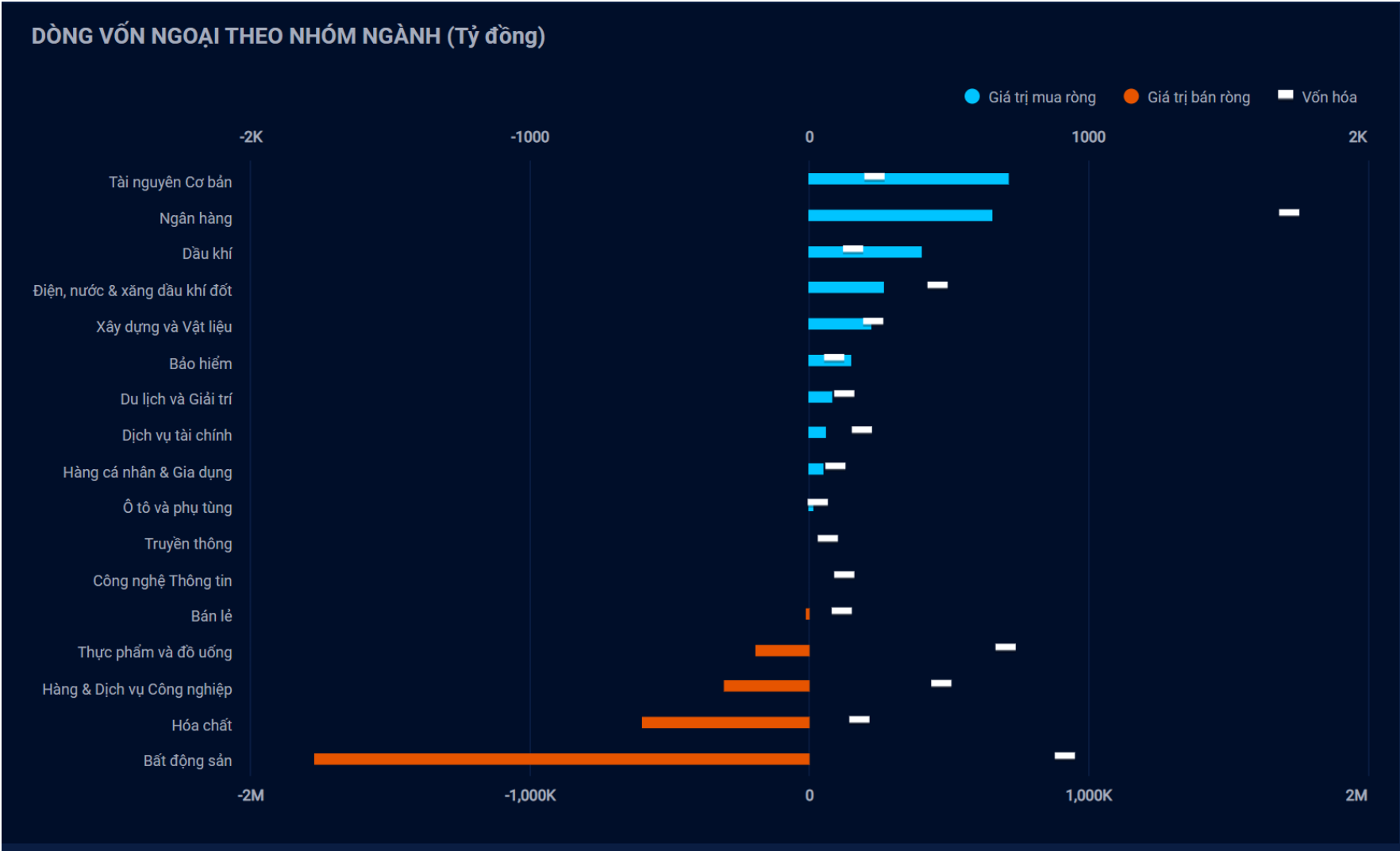
GIÁ TRỊ LŨY KẾ RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI



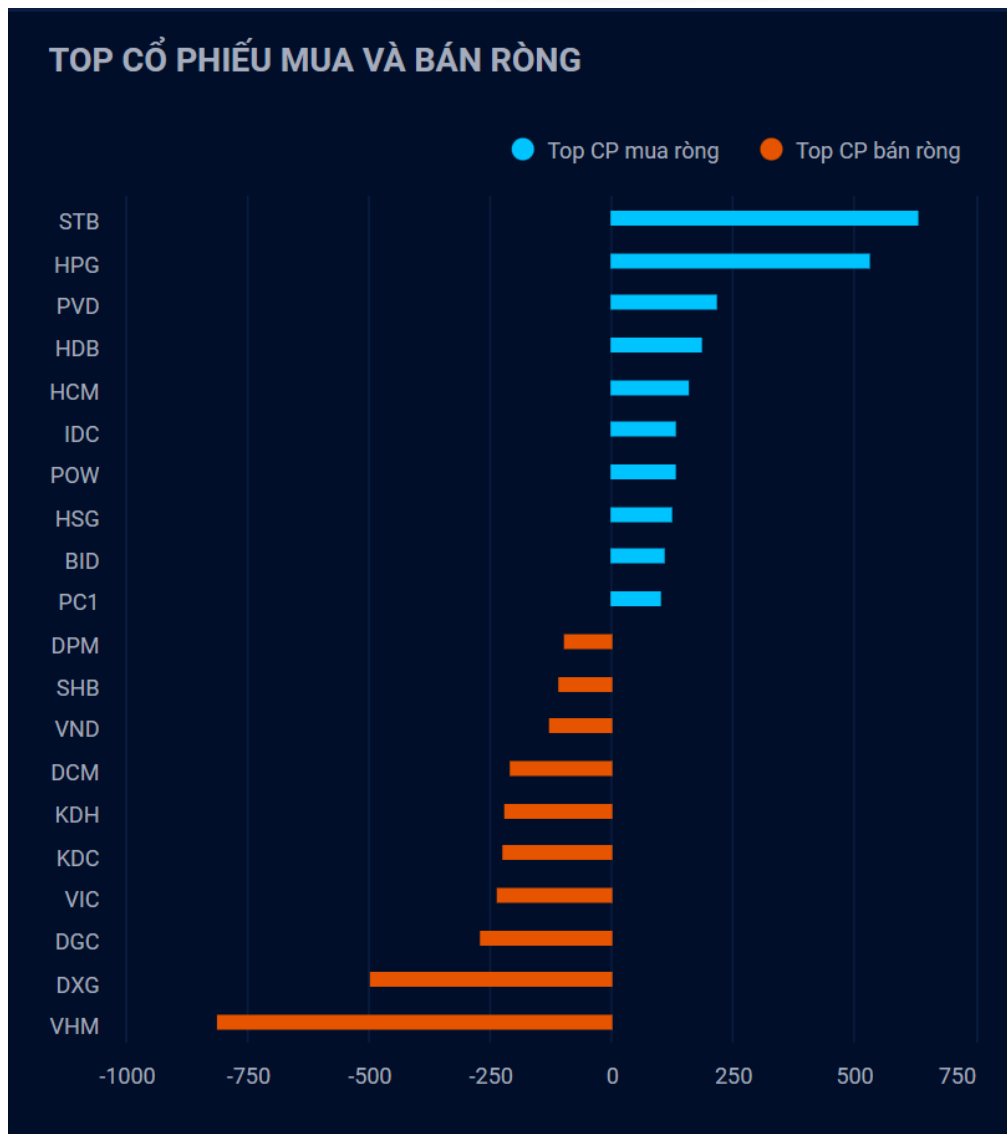
2. Dòng tiền quay trở lại TTCK Ấn Độ và Hàn Quốc



2. Nhóm Bất động sản là nhóm bị bán ròng mạnh nhất trong tháng 02/2023



2. STB và HPG được mua ròng mạnh nhất trong tháng 02/2023



3. Thị trường có thể tăng với xác suất cao trong tháng 03/2023

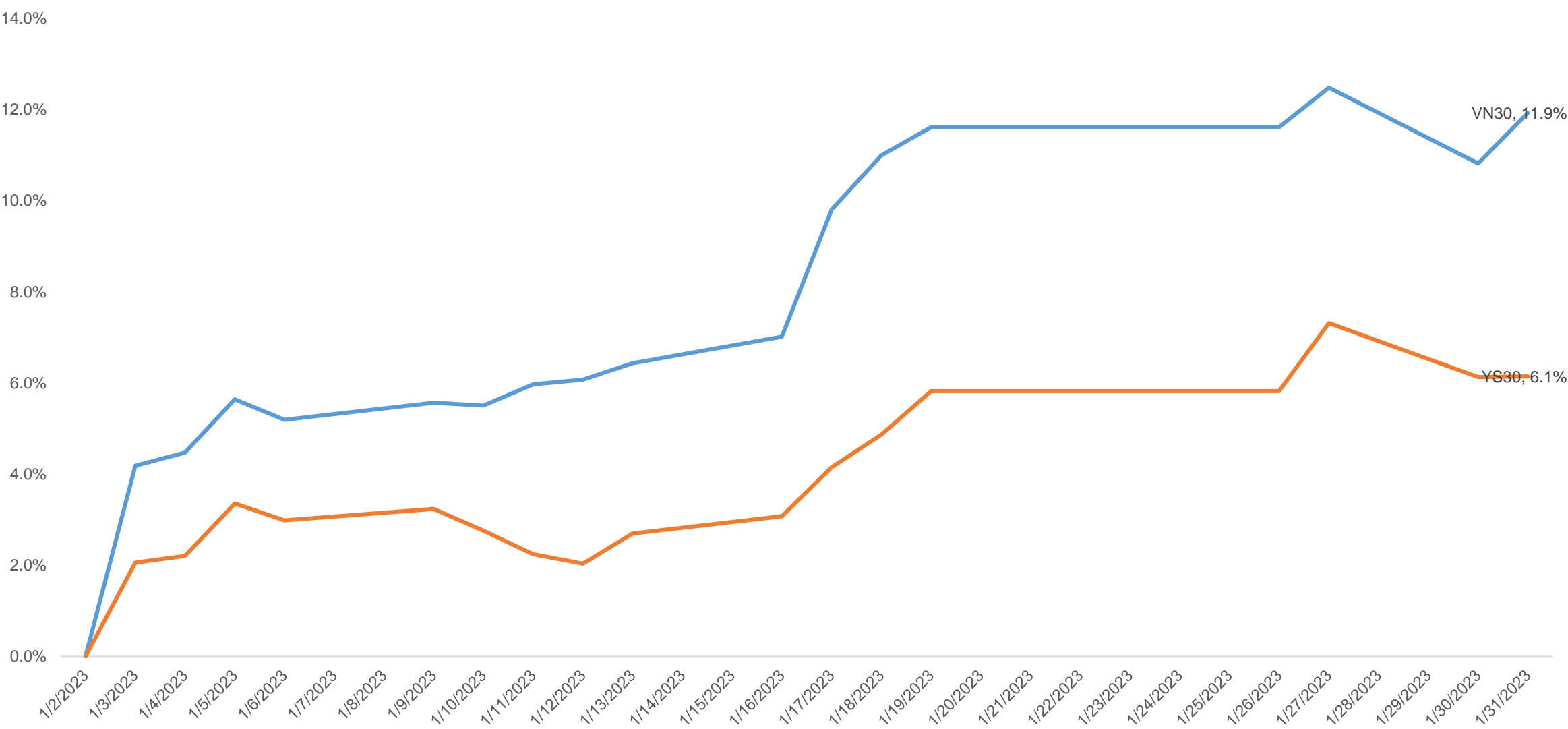
- Chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức 1,024.68 điểm (-7.8% MoM). Đồng thời, quy mô khối lượng giao dịch tháng 02/2023 tăng 25% so với tháng 01/2023. Ngoài ra, đồ thị giá của chỉ số VN-Index vẫn dưới đường trung bình 50 tháng.
- Lực cầu có dấu hiệu gia tăng, nhưng chúng tôi đánh giá thị trường vẫn chỉ đang trong giai đoạn hồi phục của xu hướng giảm dài hạn cho nên rủi ro dài hạn vẫn ở mức cao và cơ hội dài hạn vẫn chưa rõ ràng.
- Theo mô hình giá, chúng tôi cho rằng thị trường vẫn đang trong xu hướng giảm sóng C với mức kết thúc của nhịp sóng này là 902 điểm cho nên chúng tôi kỳ vọng chỉ số VN-Index sẽ cần bằng tại mức 902 điểm. Do đó, ở kịch bản tích cực với xác suất 70%, chúng tôi kỳ vọng chỉ số VN-Index có thể sẽ tiếp tục tích lũy quanh mức hiện tại trong tháng 03/2023 với xác suất tăng điểm khá cao. Ngược lại, ở kịch bản tiêu cực với xác suất 30%, chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm định lại mức hỗ trợ 902 điểm.
- Xu hướng dài hạn vẫn duy trì ở mức GIẢM. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư vẫn chưa nên nắm giữ ở tỷ trọng thấp và chưa nên mua vào thời điểm này.



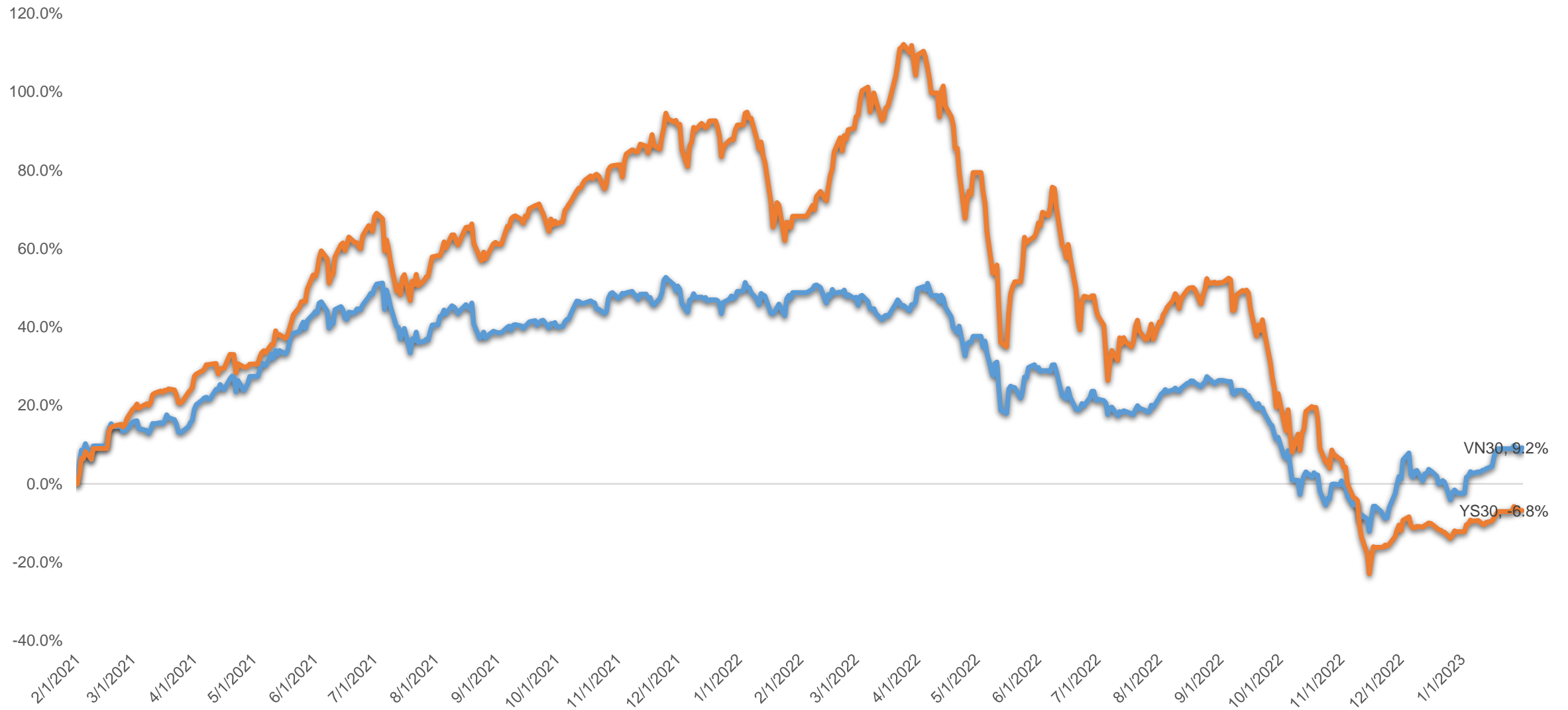
4. Hiệu quả khuyến nghị đầu tư hàng ngày trong tháng 02/2023

Chỉ tiêu		2019	2020	2021	2022	T01/2023	T02/2023
Số KN mua		222	128	210	127	11	10
Số KN Bán		212	123	218	135	2	18
Số KN chốt lời	Số lần	88	57	113	47	1	5
	Lãi TB	9.1%	15.5%	24.7%	13.5%	9.4%	13.1%
Số KN cắt lỗ	Số lần	124	66	105	88	1	13
	Lỗ TB	-3.4%	-5.1%	-5.8%	-8.0%	-3.1%	-4.8%
Thời gian nắm giữ TB		21	20	24	17	34	20
% Tỷ suất LN Trung bình		8.9%	4.4%	10.0%	-0.5%	3.2%	0.2%
% Tăng trưởng VN-Index		7.8%	14.9%	35.7%	-32.6%	10.1%	-7.8%
% Tăng trưởng VN30		2.7%	21.8%	43.4%	-34.3%	11.6%	-9.8%
% Tăng trưởng Vaneck		8.4%	9.4%	21.4%	-39.8%	8.9%	-12.6%
% Tăng trưởng DB FTSE		4.2%	16.4%	30.4%	-43.0%	12.0%	-14.4%
% Tăng trưởng E1VFN30		3.1%	22.0%	43.5%	-31.1%	10.8%	-9.9%
% Lợi nhuận cao nhất	Tỷ suất lợi nhuận	102.9%	79.2%	140.3%	53.1%	9.4%	37.4%
	Tên Cổ phiếu	CTR	DBC	AGR	FRT	NT2	STB
% Lợi nhuận thấp nhất	Tỷ suất lợi nhuận	-8.6%	-20.5%	-14.5%	-16.8%	-3.1%	-9.7%
	Tên Cổ phiếu	MPC	CTR	NKG	TNH	TCM	HVN

4. Hiệu quả đầu tư của danh mục YS30 trong tháng 02/2023



4. Hiệu quả đầu tư của danh mục YS30 từ đầu năm 2021



Liên hệ

Phòng Nghiên cứu và Phân tích Khối Khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh Giám đốc Nghiên cứu Phân tích +84 28 3622 6868 ext 3826 minh.nguyen@yuanta.com.vn	Lý Thị Hiền Trưởng phòng NC-PT +84 28 3622 6868 ext 3908 hien.ly@yuanta.com.vn	Quách Đức Khánh Phó Phòng NC-PT +84 28 3622 6868 ext 3833 khanh.quach@yuanta.com.vn
Khổng Hữu Hiệp Chuyên viên phân tích cao cấp +84 28 3622 6868 ext 3912 hiep.khong@yuanta.com.vn	Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng Chuyên viên phân tích cao cấp +84 28 3622 6868 ext 3832 hong.nguyen@yuanta.com.vn	Phạm Tấn Phát Chuyên viên phân tích cao cấp +84 28 3622 6868 ext 3880 phat.pham@yuanta.com.vn
Ngô Thanh Thảo Trợ lý phân tích +84 28 3622 6868 ext 3952 thao.ngo@yuanta.com.vn		